

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**CHI CỤC KIỂM LÂM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 403/QĐ-CCKL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 10 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**VỀ VIỆC CÔNG BỐ CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2022 (điều chỉnh lần 2)  
của Chi cục Kiểm lâm TP. Hồ Chí Minh**

Căn cứ Quyết định số 6292/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, về tổ chức lại Chi cục Kiểm lâm trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-SNN ngày 04 tháng 01 năm 2017 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Kiểm lâm;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 344/QĐ-SNN ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Sở nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 2). Đơn vị: Chi cục Kiểm lâm;

Xét đề nghị của Phòng Hành chính – Tổng hợp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 (điều chỉnh lần 2) của Chi cục Kiểm lâm TP. Hồ Chí Minh. (Đính kèm Biểu số 2)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thủ trưởng các Phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Chi cục tổ chức thực hiện Quyết định. *J. V. ...*

**Nơi nhận:**

- Sở NN và PTNT;
- Phòng KHTC Sở;
- Các Phòng, đơn vị trực thuộc Chi cục;
- Lưu: VT, CTMM.

**CHI CỤC TRƯỞNG**  
  
*Vũ Hoàng Chương*  
**Vũ Hoàng Chương**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ  
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
**CHI CỤC KIỂM LÂM**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022  
(ĐIỀU CHỈNH LẦN 2)**

Mã đơn vị sử dụng Ngân sách: 1060962

Mã KBNN nơi giao dịch: 0114 - KBNN Quận 5

**Chương 412- Loại 340- Khoản 341**

**Chương 412- Loại 280- Khoản 282**

**Chương 412- Loại 100- Khoản 103**

(Kèm theo Quyết định số 403/QĐ-CCKL ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Kiểm lâm TP.HCM)

Đơn vị: 1.000 đ

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Tăng, giảm trong		Tổng dự toán được sử dụng
			Lần 1	Lần 2	
1	2	3	4	5	6=3+4+5
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
<b>1</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1.1	Lệ phí	-	-	-	-
1.2	Phí	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Chi từ nguồn thu được để lại</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
2.1	Chi sự nghiệp	-	-	-	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
2.2	Chi quản lý hành chính	-	-	-	-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
<b>3</b>	<b>Số phí, lệ phí và thu khác nộp NSNN</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1.1	Lệ phí	-	-	-	-
1.2	Phí	-	-	-	-
<b>B</b>	<b>Dự toán chi Ngân sách nhà nước</b>	<b>34.487.000</b>	<b>1.613.814</b>	<b>564.000</b>	<b>36.664.814</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính (Chương 412- Loại 340- Khoản 341)</b>	<b>20.005.000</b>	<b>0</b>	<b>564.000</b>	<b>20.569.000</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>14.850.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>14.850.000</b>
1.1	Nguồn ngân sách Thành phố	14.850.000			14.850.000
a.	Cân đối từ nguồn ngân sách Thành phố	14.850.000			14.850.000

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Tăng, giảm trong		Tổng dự toán được sử dụng
			Lần 1	Lần 2	
1	2	3	4	5	6=3+4+5
	- Chi cho con người	9.455.000			9.455.000
	+ Biên chế công chức (68 người): 8.529.000				
	+ Biên chế chưa tuyển (15 người): 926.000				
	+ Hợp đồng 68/ND-CP				
	- Chi hoạt động	5.395.000			5.395.000
	Trong đó: + Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	477.900			477.900
	+ KP chi cho thi đua khen thưởng	64.000			64.000
	b. Nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố				
1.2	Nguồn cải cách tiền lương đơn vị năm 2021 chuyển sang (Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố)				
<b>2</b>	<b>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</b>	<b>5.155.000</b>	<b>0</b>	<b>564.000</b>	<b>5.719.000</b>
	Trong đó: Tiết kiệm 10% thực hiện cải cách tiền lương	244.400			244.400
2.1	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố (68 người)	1.133.000	0	564.000	1.697.000
	- Nguồn cải cách tiền lương ngân sách Thành phố	1.133.000		564.000	1.697.000
	- Nguồn cải cách tiền lương đơn vị năm 2021 chuyển sang				0
2.2	Chi khác	4.022.000			4.022.000
a	Trợ cấp Tết				
b	Phụ cấp thâm niên, phụ cấp nghề	1.149.000			1.149.000
c	Nước sinh hoạt 02 Trạm Kiểm lâm	40.000			40.000
d	Đồng phục	260.000			260.000
d	Kinh phí ISO	19.000			19.000
e	Mua sắm tài sản cố định (01 máy photocopy, 10 tủ hồ sơ)	110.000			110.000
f	Sửa chữa tài sản cố định	2.444.000			2.444.000
	- Sửa chữa xe ô tô chuyên dùng	291.000			291.000
	- Chống thấm Văn phòng Chi cục Kiểm lâm số 1 Đỗ Ngọc Thạnh, P14, Quận 5	110.000			110.000

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Tăng, giảm trong		Tổng dự toán được sử dụng
			Lần 1	Lần 2	
1	2	3	4	5	6=3+4+5
	- Sơn, sửa chữa trụ sở làm việc Đội Kiểm lâm cơ động và PCCC rừng	439.000			439.000
	- Tháo dỡ nhà trưng bày - Trạm Cứu hộ động vật hoang dã, diện tích: 13m x 9 m có 02 tầng	82.000			82.000
	- Nâng nền chống ngập Trạm Kiểm lâm Lý Nhơn	150.000			150.000
	- Xử lý thanh thải Trạm Kiểm lâm Tam Thôn Hiệp 214 m <sup>2</sup>	297.000			297.000
	- Sửa chữa tường rào, chống ngập Trạm Kiểm lâm Tân An	194.000			194.000
	- Sơn, sửa tường rào, chống ngập khuôn viên Trạm Kiểm lâm Gò Đa	270.000			270.000
	- Sửa chữa chuồng trại khu cách ly - Trạm Cứu hộ động vật hoang dã (Củ Chi)	440.000			440.000
	- Làm mới mái che bảo quản ca nô Trạm Kiểm lâm Lý Nhơn và Tân An	171.000			171.000
<b>II</b>	<b>Sự nghiệp Khoa học và công nghệ (Chương 412- Loại 100- Khoản 103) (QĐ 1589/QĐ-UBND ngày 27/4/2019)</b>	<b>2.700.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.700.000</b>
	- Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu quản lý doanh nghiệp, cơ sở chế biến, kinh doanh lâm sản, gầy nuôi động vật hoang dã	1.200.000			1.200.000
	- Đề án xây dựng hệ thống thông tin quản lý rừng và dịch vụ môi trường rừng	1.500.000			1.500.000
<b>III</b>	<b>Kinh phí sự nghiệp (Chương 412- Loại 280- Khoản 282)</b>				
	<b>Kinh phí nông - lâm - thủy lợi (nghiệp vụ chuyên môn)</b>	<b>11.782.000</b>	<b>1.613.814</b>	<b>0</b>	<b>13.395.814</b>
<b>I</b>	<b>Các nghiệp vụ thường xuyên</b>	<b>2.566.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.566.000</b>
	- Phụ cấp kiêm nhiệm Văn phòng Ban chỉ huy và BCH cấp Thành phố	77.000			77.000
	- Trục phòng cháy rừng 6 tháng	785.000			785.000
	- Tổ chức kiểm tra định kỳ về công tác bảo vệ; phòng cháy chữa cháy rừng của Ban chỉ huy cấp thành phố	17.000			17.000
	- Cảnh báo cháy rừng trên Đài truyền hình	30.000			30.000
	- Diễn tập chữa cháy rừng	60.000			60.000
	- Chi phí chữa cháy rừng	10.000			10.000

STT	Nội dung	Dự toán giao đầu năm	Tăng, giảm trong		Tổng dự toán được sử dụng
			Lần 1	Lần 2	
1	2	3	4	5	6=3+4+5
	- Hội nghị tổng kết công tác bảo vệ rừng cấp Thành phố	10.000			10.000
	- Theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp	50.000			50.000
	- Chi phí cứu hộ động vật hoang dã	500.000			500.000
	- Chi phí tư vấn đánh giá tác động môi trường Trạm cứu hộ động vật hoang dã	150.000			150.000
	- Thuê nhân công tỉa nhánh cây trong Trạm cứu hộ động vật hoang dã	80.000			80.000
	- Sửa, sơn bảng tuyên truyền BV, PCCC rừng và bảng qui ước trong cộng đồng dân cư	54.000			54.000
	- Tập huấn nghiệp vụ kiểm lâm	10.000			10.000
	- Tổ chức huấn luyện chữa cháy	30.000			30.000
	- Nhiên liệu công tác bảo vệ và PCCC rừng	423.000			423.000
	- Hoạt động xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng và kiểm soát lâm sản	280.000			280.000
<b>2</b>	<b>Các Chương trình</b>	<b>1.150.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.150.000</b>
	- Chương trình quản lý, kiểm tra, kiểm soát lâm sản (QĐ 1305/QĐ-UBND ngày 15/4/2021)	137.000			137.000
	- Chương trình quản lý phát triển Cá sấu và động vật hoang dã (QĐ 895/QĐ-UBND ngày 15/3/2021)	371.000			371.000
	- Chương trình quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng (QĐ 1886/QĐ-UBND ngày 21/5/2021)	642.000			642.000
<b>3</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ lâm nghiệp</b>	<b>8.066.000</b>	<b>1.613.814</b>	<b>0</b>	<b>9.679.814</b>
	- Trồng cây phân tán	7.376.000	1.613.814		8.989.814
	- Trồng cây ngày 19/5	590.000			590.000
	- Kinh phí Ban chỉ đạo trồng rừng và trồng cây phân tán	100.000			100.000

- Nguồn cũ cách tiền lương năm 2021 của đơn vị chuyển sang năm 2022: 1.849.000.000 đồng, trong đó: nguồn kinh phí giao tự chủ: 1.183.000.000 đồng; nguồn kinh phí không giao tự chủ: 666.000.000 đồng (Quyết định 4195/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố);

- Đối với kinh phí các Chương trình dự án, Đề án đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng nội dung đã được phê duyệt theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên (Sự nghiệp khoa học và công nghệ) với số tiền 2.700.000.000 đồng: Đơn vị chỉ được thực hiện khi có chủ trương của Ủy ban nhân dân Thành phố.

**Thuyết minh nội dung, số liệu, cơ sở pháp lý điều chỉnh dự toán:**

**Điều chỉnh lần 1:**

Tăng dự toán 1.613.814.000 đồng để bổ sung dự toán thực hiện kế hoạch trồng cây phân tán năm 2022 từ nguồn điều chuyển dự toán kinh phí ngân sách nhà nước năm 2022 của Trung tâm Tư vấn và Hỗ trợ Chuyển dịch Cơ cấu Kinh tế Nông nghiệp. (Theo Công văn số 3171/UBND-KT ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

**Điều chỉnh lần 2:**

Tăng dự toán 564.000.000 đồng theo Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định hệ số điều chỉnh tăng thu nhập năm 2022 theo Quyết định số 3187/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

